

Bản án số: 360/ 2024 /DS-PT

Ngày: 05/07/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1020/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1967; (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ cho bà Nguyễn Thị N: Ông Lê Văn L, sinh năm 1967 (Theo Quyết định số 03/2024/QĐST-DS ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Á trình bày:**

Trước đây, bà có làm chủ hội, vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L có tham gia chơi hội của bà nhưng sau khi hốt hội, không đóng lại hội chết cho bà, cụ thể như sau:

- Dây hội tháng 3.000.000 đồng, mở hội ngày 24-9-2016 âm lịch, gồm 35 phần, vợ chồng bà N tham gia 02 phần nhưng trong giấy hội ghi tên N1 là con gái bà N. Bà N đóng hội sống đến lần thứ 5 và 6 thì hốt hết cả 02 phần, giấy nhận tiền hốt hội do bà N ký; vợ chồng bà N phải đóng hội chết đến tháng 12-2018, nhưng từ tháng 01-2019 đến hội mãi, bà N, ông L còn nợ bà 06 lần đóng hội của 02 phần với số tiền 36.000.000 đồng.

- Dây hội tháng 5.000.000 đồng, mở hội ngày 19-02-2017 âm lịch, gồm 28 phần, vợ chồng bà N tham gia 02 phần, ghi tên trong danh sách là 6 Lỗi. Bà N đóng hội sống đến lần thứ 3 và 4 thì hốt hết cả 02 phần, giấy nhận tiền hốt hội do bà N ký và phải đóng hội chết đến tháng 12-2018, nhưng từ tháng 01-2019 đến hội mãi, bà N, ông L còn nợ bà 04 lần đóng hội của 02 phần với số tiền 40.000.000 đồng.

- Dây hội tháng 3.000.000 đồng, mở hội ngày 15-6-2017 âm lịch, gồm 31 phần, vợ chồng bà N tham gia 02 phần, trong giấy hội ghi tên 6 Lỗi và L1 là người hay chơi hội của bà. Bà N đóng hội sống đến lần thứ 9 và 10 thì hốt hết cả 02 phần, giấy nhận tiền hốt hội do bà N ký và phải đóng hội chết đến tháng 12-2018, nhưng từ tháng 01-2019 đến hội mãi, bà N, ông L còn nợ bà 11 lần đóng hội của 02 phần với số tiền 66.000.000 đồng.

- Dây hội tháng 3.000.000 đồng, mở hội ngày 15-6-2017 âm lịch, gồm 31 phần, vợ chồng bà N tham gia 02 phần nhưng trong giấy hội ghi tên N1 con gái bà N và L1 là người hay chơi hội của bà.

Bà N đóng hội sống đến lần thứ 9 và 10 thì hốt hết cả 02 phần, giấy nhận tiền hốt hội do bà N ký và đóng hội chết đến tháng 12-2018, từ tháng 01-2019 đến hội mãi, bà N, ông L còn nợ bà 11 lần đóng hội của 02 phần với số tiền 66.000.000 đồng.

- Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở hội ngày 09-02-2018 âm lịch, gồm 37 phần, vợ chồng bà N tham gia 02 phần, trong giấy hội ghi tên N. Bà N đóng hội sống đến lần thứ 4 và 5 thì hốt hết cả 02 phần và đóng hội chết đến tháng 12-2018, nhưng từ tháng 01-2019 đến hội mãi, bà N, ông L còn nợ bà 1 lần đóng hội của 02 phần với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà N, ông L còn mượn 02 phần hội, như sau:

- Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở hội ngày 09-02-2018 âm lịch, gồm 37 phần, bà N mượn 01 phần hội của chị 9 Lan, hốt lần thứ 20 ngày 15-8-2019, hiện còn nợ 37.000.000 đồng.

- Dây hội tháng 3.000.000 đồng, mở hội ngày 15-6-2017 âm lịch, gồm 31 phần, vợ chồng bà N mượn của bà 01 phần, hốt lần thứ 20 ngày 14-12-2018 đến mãi hội phải trả 93.000.000 đồng và đóng hội chết 11.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả cho bà, hiện còn nợ bà 104.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền hội và tiền mượn hội bà N, ông L còn nợ bà là 379.000.000 đồng, bà yêu cầu bị đơn phải trả cho bà làm 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn ông Lê Văn L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Việc tham gia chơi hụi giữa bà N và bà Á ông L hoàn toàn không biết. Do đó, nay ông L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Á.

Bản án sơ thẩm số 252/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 20, Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh .

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền nợ hụi 323.000.000 (Ba trăm hai mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 10/10/2023, ông Lê Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 252/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 cho rằng Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử không đúng quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Bị đơn Lê Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Lê Văn L2 cho rằng bà Nguyễn Thị Nghĩa l người bị bệnh tâm thần và cung cấp Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy tuyên bố bà Nguyễn Thị Nghĩa l người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi và cử ông Lê Văn L là người

giám hộ cho bà N. Để đảm bảo việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự cho bà N, thì phải đưa người giám hộ của bà N tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm chưa thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử, Hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử lại theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng góp hui” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L2, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án Dân sự sơ thẩm vì vợ ông là bà Nguyễn Thị N có bệnh thần kinh, các thỏa thuận góp hui với bà Á, giấy nhận tiền hui bà Á cung cấp là không phù hợp, xét thấy:

Xét quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn cấp sơ thẩm bà N vắng mặt toàn bộ, không tham gia tố tụng. Ông L cho rằng bà N đang mắc bệnh thần kinh, không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng ông và bà N không có cung cấp tài liệu chứng minh bà N đang mắc bệnh và không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà N mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng bà Nguyễn Thị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và xét xử vắng mặt bà Nghĩa là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Lê Văn L cho rằng toàn bộ quá trình giao dịch hợp đồng góp hui với bà Nguyễn Thị Á là do bà Nguyễn Thị N tự thực hiện, do bà đang mắc bệnh thần kinh nên không thể tự mình tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được và yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Nghĩa 1 người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 23/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy ban hành quyết định giải quyết việc dân sự, tuyên bố bà Nguyễn Thị Nghĩa 1 người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi; chỉ định ông Lê Văn L là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị N, đại diện cho bà Nguyễn Thị N trong các giao dịch dân sự, quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị N, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N. Căn cứ Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Nghĩa 1 người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi nên cần phải có người giám hộ đại diện tham

gia tố tụng để đảm bảo quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N trong quá trình tham gia quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nhưng do quá trình xét xử cấp sơ thẩm chưa thực hiện được, để đảm bảo hai cấp xét xử, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại nên Hội đồng xét xử chưa xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Lê Văn L không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 252/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại ông Lê Văn L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT do ông Lê Văn L đã nộp thay theo biên lai số 0018077 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Ca;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân